

Số: 27

Ngày 8/7/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 27 xin giới thiệu với các đơn vị những nội dung đáng chú ý sau:

- Từ ngày 01/7/2024 mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang lên 2.340.000 đồng/tháng.
- Nghị định 74/2024/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân từ 200.000 đồng đến 280.000 đồng theo 04 vùng.
- Từ tháng 6/2024, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng tăng thêm 15%.
- Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là 500.000 đồng/tháng.
- Bản tin tuần này giới thiệu đến các đơn vị 02 dự thảo sau: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình và dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng phát triển Việt Nam

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ LÊN 2,34 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

Ngày 30/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2024/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Theo đó, từ ngày 01/7/2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng. Mức lương này dùng làm căn cứ để tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ, tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí, các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6/2024 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc). Trường hợp tính theo nguyên tắc trên, nếu mức tiền

lương và thu nhập tăng thêm từ ngày 01/7/2024 theo cơ chế đặc thù thấp hơn mức tiền lương theo quy định chung thì thực hiện chế độ tiền lương theo quy định chung.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

2. NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU MỚI TỪ NGÀY 01/7/2024

Ngày 30/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 74/2024/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Từ 01/7/2024, mức lương tối thiểu vùng tăng bình quân từ 200.000 đồng đến 280.000 đồng so với mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP. Cụ thể, mức lương tối thiểu tháng tại 04 vùng được quy định như sau: Vùng I 4.960.000 đồng/tháng; Vùng II 4.410.000 đồng/tháng; Vùng III 3.860.000 đồng/tháng; Vùng IV 3.450.000 đồng/tháng.

Ngoài ra, mức lương tối thiểu giờ tại vùng I là 23.800 đồng/giờ; vùng II là 21.200 đồng/giờ; vùng III là 18.600 đồng/giờ; vùng IV là 16.600 đồng/giờ.

Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với

địa bàn trước khi thay đổi tên gọi hoặc chia đơn vị hành chính cho đến khi Chính phủ có quy định mới. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn là thành phố trực thuộc tỉnh được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn thuộc vùng IV thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh còn lại tại khoản 3 Phụ lục kèm theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

3. TĂNG 15% LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀNG THÁNG TỪ 01/7/2024

Nghị định 75/2024/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng tăng thêm 15% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng từ tháng 6/2024.

Từ ngày 01/7/2024, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định, sau khi điều chỉnh có mức hưởng thấp hơn 3.500.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau: Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 3.200.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.500.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 3.200.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.500.000 đồng/người/tháng.

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

4. MỨC CHUẨN TRỢ GIÚP XÃ HỘI ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/7/2024 LÀ 500.000 ĐỒNG/THÁNG

Nghị định 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định từ ngày 1/7/2024, mức chuẩn trợ giúp xã hội từ 360.000 đồng/tháng lên 500.000 đồng/tháng. Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.

Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định 76/2024/NĐ-CP; đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định 76/2024/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

5. TĂNG MỨC CHUẨN TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG LÊN 2.789.000 ĐỒNG

Ngày 01/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 77/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ.

Theo đó, mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng được điều chỉnh từ 2.055.000 đồng lên thành 2.789.000 đồng (tăng 35,7% so với trước đây). Cụ thể: Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01/1/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là 2.884.000 đồng; thân nhân của 01 liệt sĩ là 2.789.000 đồng, thân nhân của 02 liệt sĩ là 5.578.000 đồng, thân nhân của 3 liệt sĩ trở lên là 8.367.000 đồng; bà mẹ Việt Nam anh hùng được hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng 8.367.000 đồng, kèm thêm đó là phụ cấp ưu đãi hàng tháng 2.337.000 đồng; đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến là 2.337.000 đồng; người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày là 1.673.000 đồng;...

Điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung có mức chi bằng 1,8 lần mức chuẩn/1 người/lần. Nội dung chi bao gồm: Tiền ăn trong thời gian điều dưỡng; thuốc thiết yếu; quà tặng cho đối tượng; tham quan;

Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho đối tượng trong thời gian điều dưỡng (mức chi tối đa 10%

mức chi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung), gồm: khăn mặt, xà phòng, bàn chải, thuốc đánh răng, chụp ảnh, tư vấn sức khỏe, phục hồi chức năng, sách báo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và các khoản chi khác phục vụ đối tượng điều dưỡng.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

6. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THÍ ĐIỂM QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI VIETTEL

Ngày 02/7/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 79/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP ngày 24/8/2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 74/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 và Nghị định 82/2021/NĐ-CP ngày 06/9/2021 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

Theo đó, quỹ tiền lương thực hiện của công ty đối với công ty thành lập mới từ năm 2024 trở đi được thực hiện như sau: Người đại diện phân vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghệ - Viễn thông Quân đội tham gia với Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định quỹ tiền lương thực hiện của công ty theo nguyên tắc quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định 121/2016/NĐ-CP.

Đối với công ty mới thành lập trong năm 2020 thì việc xác định quỹ tiền lương thực hiện trong giai đoạn 2021-2023 thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 3

Điều 7 Nghị định 121/2016/NĐ-CP, từ năm 2024 trở đi, quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân thực hiện tính theo chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện so với năm trước liền kề theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 Nghị định 121/2016/NĐ-CP.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới trong trường hợp sau khi nhận sáp nhập, khi công ty phát sinh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mới, được xác định trên cơ sở số lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân do công ty quyết định bảo đảm tương quan chung trong Tập đoàn.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 02/7/2024.

7. CƠ CHẾ MUA BÁN ĐIỆN TRỰC TIẾP GIỮA ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VỚI KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN LỚN

Ngày 03/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 80/2024/NĐ-CP quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với Khách hàng sử dụng điện lớn.

Theo đó, mua bán điện trực tiếp là hoạt động mua bán giao nhận điện năng được thực hiện thông qua 2 hình thức sau: Mua bán điện trực tiếp qua Đường dây kết nối riêng là hoạt động ký hợp đồng mua bán điện và giao nhận điện năng qua Đường dây kết nối riêng giữa Đơn vị phát

điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn; mua bán điện trực tiếp qua Lưới điện quốc gia là hoạt động mua bán điện thông qua Hợp đồng kỳ hạn giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn (hoặc Đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm được ủy quyền) và hoạt động mua bán điện thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định 80/2024/NĐ-CP bao gồm: Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo bán toàn bộ điện năng sản xuất vào thị trường điện giao ngay của thị trường bán buôn điện cạnh tranh; khách hàng sử dụng điện lớn hoặc Đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm được ủy quyền ký hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực (hoặc đơn vị được ủy quyền/phân cấp) để mua toàn bộ điện năng đáp ứng nhu cầu;...

Trách nhiệm của Khách hàng sử dụng điện lớn bao gồm: Đầu tư hạ tầng lưới điện (áp dụng trong trường hợp Khách hàng sử dụng điện lớn có trạm điện) tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện; tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; có đội ngũ quản lý, vận hành lưới điện (áp dụng trong trường hợp Khách hàng sử dụng điện lớn có trạm điện) đáp ứng quy định về an toàn điện; Được đào tạo về chuyên ngành điện; được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện;...

Nghị định có hiệu lực từ ngày 03/7/2024.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

8. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG QUY ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ THUÊ SỬ DỤNG MẠNG CÁP TRONG TÒA NHÀ

Ngày 02/7/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư 07/2024/TT-BTTTT quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông.

Cụ thể, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm: phương pháp chi phí và phương pháp so sánh. Căn cứ vào tính chất đặc thù của mạng cáp trong tòa nhà, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, tình hình thị trường, tổ chức, cá nhân lựa chọn phương pháp định giá thuê phù hợp với công trình cần định giá.

Căn cứ định giá thuê gồm có: Chi phí đầu tư, sản xuất, cung ứng dịch vụ phù hợp với chất lượng dịch vụ; quan hệ cung cầu, giá thị trường; sự thay đổi, biến động về giá và cơ chế chính sách của Nhà nước; lộ trình điều chỉnh giá thuê được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có); điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có tác động đến giá thuê.

Mục đích của việc Nhà nước thực hiện kiểm soát giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thuê, bên cho thuê và lợi ích chung của xã hội theo quy

định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/8/2024.

9. CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Ngày 01/7/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 06/2024/TT-BTTTT quy định công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam.

Hồ sơ công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam gồm các tài liệu giải trình, chứng minh đáp ứng đủ điều kiện. Cụ thể như sau: Văn bản đề nghị công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài theo mẫu; tài liệu hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch thuật công chứng giấy phép hoặc giấy chứng nhận chứng minh thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động; Bản cam kết đang hoạt động trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; bản dịch thuật công chứng Báo cáo kiểm toán kỹ thuật của Hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử từ tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ;...

Thời hạn công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam là thời hạn theo giấy phép cung cấp dịch vụ

của tổ chức đó tại nước sở tại và không quá thời hạn của chứng thư chữ ký điện tử của tổ chức đó.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/8/2024.

10. TỪ 01/7/2024, NGƯỜI DÂN CÓ THẺ XUẤT TRÌNH GIẤY PHÉP LÁI XE TRÊN VneID KHI CẢNH SÁT GIAO THÔNG KIỂM TRA

Ngày 29/6/2024, Bộ Công an ban hành Thông tư 28/2024/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 32/2023/TT-BCA ngày 01/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuân tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông; Thông tư 24/2023/TT-BCA ngày 01/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm soát các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông gồm: Giấy phép lái xe; chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng, chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng; giấy đăng ký xe hoặc bản sao chứng thực giấy đăng ký xe kèm bản gốc giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính giấy đăng ký xe); giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy xác nhận thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định (đối với loại phương tiện giao thông có quy định phải kiểm định); giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và giấy tờ cần

thiết khác có liên quan theo quy định (sau đây gọi chung là giấy tờ);

Khi thông tin của các giấy tờ đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu có giá trị như kiểm tra trực tiếp giấy tờ đó.

Sửa đổi, bổ sung quy định thông báo cho người điều khiển phương tiện giao thông, những người trên phương tiện giao thông biết lý do kiểm soát; đề nghị người điều khiển phương tiện giao thông xuất trình các giấy tờ liên quan để kiểm soát. Trường hợp người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện xuất trình thông tin của các giấy tờ đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu; trường hợp người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện xuất trình bản giấy các giấy tờ thì tiến hành kiểm tra, đối chiếu trực tiếp các giấy tờ đó và thực hiện tra cứu thông tin liên quan đến giấy tờ đó trong hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành

chính, cơ sở dữ liệu khác; đối với phương tiện giao thông chở người từ 10 chỗ trở lên, phương tiện giao thông chở người có kích thước tương đương với phương tiện giao thông chở người từ 10 chỗ trở lên, cán bộ cảnh sát giao thông được phân công

làm nhiệm vụ phải trực tiếp lên khoang chở người để thực hiện kiểm soát và thông báo kết quả kiểm soát.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. DỰ THẢO QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo và lấy ý kiến đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Dự thảo đề xuất phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây: Không xuất trình thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền; không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước;

cấp căn cước điện tử; không nộp lại thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước cho cơ quan thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù, cơ quan thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. Phạt tiền từ 1-2 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây: Chiếm đoạt, sử dụng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại; tẩy xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung của thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại; hủy hoại, cố ý làm hư hỏng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại; không nộp lại thẻ căn cước

công dân hoặc thẻ căn cước cho cơ quan có thẩm quyền khi được thôi, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; không nộp lại giấy chứng nhận căn cước khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được nhập quốc tịch Việt Nam hoặc xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc xác định có quốc tịch nước ngoài....

Phạt tiền từ 4-6 triệu đồng đối với một trong những hành vi làm giả thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; sử dụng thẻ căn cước công dân giả, thẻ căn cước giả, căn cước điện tử giả, giấy chứng nhận căn cước giả, giấy xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại giả; thế chấp, cầm cố, nhận cầm cố thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước; mua, bán, thuê, cho thuê thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, dự thảo bổ sung quy định phạt tiền từ 2-5 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác quản lý, sử dụng pháo theo quy định; hoặc sử dụng pháo hoa không

đúng quy định của pháp luật. Phạt tiền từ 5-10 triệu đồng đối với hành vi giao pháo hoa cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật... Phạt tiền từ 40-50 triệu đồng đối với hành vi chế tạo, sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép thuốc pháo nổ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự...

Toàn văn dự thảo đang được đăng tải lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và Cổng thông tin điện tử Chính phủ; đồng thời, Bộ Công an gửi văn bản đến các bộ, ngành, đơn vị có liên quan để ý kiến góp ý hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.

2. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo lần 2 Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng phát triển Việt Nam và đang trong quá trình lấy ý kiến của các bộ, ngành, nhân dân đóng góp hoàn thiện dự thảo.

Theo đó, Ngân hàng phát triển Việt Nam (Ngân hàng phát triển) là ngân hàng chính sách, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật liên quan; có tên viết tắt là VDB, trụ sở chính đặt tại Hà Nội, có sở giao dịch, chi nhánh tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và khu vực, có một số đơn vị sự nghiệp.

Ngân hàng phát triển hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, thực

hiện chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán, được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc, không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. Nhà nước là chủ sở hữu của ngân hàng phát triển, Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với Ngân hàng phát triển; Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc ủy quyền cho Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định này.

Vốn điều lệ của Ngân hàng phát triển là 30.000 tỷ đồng do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Ngân hàng phát triển có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Chính phủ giao; hoàn trả đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ gốc và lãi đối với các khoản vốn mà ngân hàng phát triển huy động theo cam kết; tuân thủ các quy định về kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức hoạt động theo đúng chiến lược hoạt động, kế hoạch hàng năm được phê duyệt; báo cáo công khai, minh bạch về hoạt động và tài chính; bảo toàn và

áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn...

Ngân hàng phát triển có quyền mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, được vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được thành lập công ty con hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết trong nước sau khi có sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của Ngân hàng Phát triển... và giải thể Ngân hàng Phát triển trong các trường hợp: Nhà nước thấy không cần thiết duy trì; Khi hết thời hạn hoạt động tại Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg mà không được Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn...

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Phát triển bao gồm: Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc. Ban kiểm soát và bộ máy giúp việc. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng và bộ máy giúp việc và hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định cụ thể tại các điều khoản của Nghị định này.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Mức lương cơ sở từ 01/7/2024 đối với viên chức?

Trả lời: Theo khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định 73/2024/NĐ-CP

của Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024 quy định từ 01/7/2024 mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6/2024 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc). Trường hợp tính theo nguyên tắc trên, nếu mức tiền lương và thu nhập tăng thêm từ ngày 01/7/2024 theo cơ chế đặc thù thấp hơn mức tiền lương theo quy định chung thì thực hiện chế độ tiền lương theo quy định chung.

2. Hỏi: Nội dung Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng áp dụng đối với các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị?

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 4 Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024 quy định Quy chế tiền thưởng của cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2

Điều này phải bao gồm những nội dung sau:

- Phạm vi và đối tượng áp dụng;

- Tiêu chí thưởng theo thành tích công tác đột xuất và theo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của người hưởng lương trong cơ quan, đơn vị;

- Mức tiền thưởng cụ thể đối với từng trường hợp, không nhất thiết phải gắn với mức lương theo hệ số lương của từng người;

- Quy trình, thủ tục xét thưởng;

- Các quy định khác theo yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị (nếu cần thiết).

3. Hỏi: Mức lương cơ sở được dùng làm căn cứ tính các khoản tiền gì?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024 quy định Mức lương cơ sở dùng làm căn cứ:

- Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này;

- Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;

- Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

4. Hỏi: Từ 01/7/2024, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội là bao nhiêu?

Trả lời: Theo Điều 2 Nghị định 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024 quy định từ 01/7/2024, điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2024 như sau: Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này, có mức hưởng thấp hơn 3.500.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau: Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 3.200.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.500.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 3.200.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.500.000 đồng/người/tháng. Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh theo quy định tại Điều này là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo./.